

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Bản án số: 1320/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1276/2018/TLST–HNGĐ ngày 03/12/2018 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Thái A, sinh năm 1979; địa chỉ: 184/4Đ ấp T, xã H, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Như H, sinh năm 1981; địa chỉ: 184/4Đ ấp T, xã H, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đỗ Thái A trình bày:

Ông A và bà Nguyễn Như H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, được Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyền số 1/2000 ngày 03/11/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bà H cờ bạc, gây nợ nần khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột. Ông A đã động viên, khuyên nhủ nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau từ tháng 6/2014 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông A xin ly hôn với bà H. Ông A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Hà Gia L, sinh ngày 24/4/2002 và Đỗ Thụy Quỳnh N, sinh ngày

29/5/2004, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn: Bà Nguyễn Như H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xác nhận không có nợ chung và tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng chưa thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; Các đương sự được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, con chung là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; không xem xét tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn; Các đương sự thường trú tại huyện Hóc Môn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Như H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2019/QĐXXST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 370/GTT ngày 09/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2019/QĐST-HNGĐ kèm Giấy triệu tập số 413/GTT ngày 01/10/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 111, quyền số 1/2000 ngày 03/11/2000 do Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Thái A và bà Nguyễn Như Hà là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu ly hôn:

Theo lời trình bày của ông A thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và sống ly thân từ tháng 6/2014, không quan tâm, bỏ mặc nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Lời trình bày của ông A phù hợp với nội dung trình bày của 02 con chung tại bản tự khai ngày 23/01/2019, biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2019.

Bà H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi. Theo thông tin do 02 con chung của ông A, bà H cung cấp tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2019 thì khi ông A nộp đơn ly hôn tại Tòa án, các con chung đã nhắn cho bà H đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng bà H bỏ mặc; các con chung mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn để ông A tập trung làm việc chăm lo cho các con, vì 02 con chung do một mình ông A chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 2014.

Ngày 19/8/2019, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng ông A, bà H tại nơi cư trú, tuy nhiên, đại diện Ban nhân dân ấp Tân Thới 3, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cung cấp thông tin địa phương không nắm rõ quan hệ hôn nhân và con chung của ông A, bà H.

Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng ông A, bà H đã sống ly thân trong thời gian dài và bỏ mặc nhau, không ai có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Căn cứ vào lời khai của ông A, bản sao các giấy khai sinh số 94, quyền số 01/2002 ngày 15/5/2002 và số 151, quyền số 01/2004 ngày 30/6/2004 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp, xác định ông A và bà H có 02 con chung là Đỗ Hà Gia L, sinh ngày 24/4/2002 và Đỗ Thụy Quỳnh N, sinh ngày 29/5/2004. Ông A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp với nguyện vọng của các con chung tại bản tự khai ngày 23/01/2019, biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2019, phù hợp với thực tế ông A là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung từ ngày vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn ông Đỗ Thái A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như nội dung phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tại phiên tòa sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đỗ Thái A và bà Nguyễn Như H.

- Về con chung và nuôi con chung:

+ Giao cho ông Đỗ Thái A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Đỗ Hà Gia L, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2002 và Đỗ Thụy Quỳnh N, sinh ngày 29 tháng 5 năm 2004;

+ Tạm ngừng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Như H cho đến khi có yêu cầu của ông Đỗ Thái A.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Thái A trình bày không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Thái A phải chịu tiền án phí sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004161 ngày 22/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông Đỗ Thái A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THA DS huyện Hóc Môn;
- UBND xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy

